SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
TỈNH SÓC TRĂNG

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Tỉnh Sóc Trăng
18-05-2022 10:49:46 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trung ương đã ban hành các văn bản quan trọng mang tính định hướng cụ thể: Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của

địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định"; để có cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đảm bảo hợp lý, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách trong triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Thực hiện các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (dưới đây gọi tắt là sở, ngành và các địa phương).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021 - 2025.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

a. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

c. Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố.

d. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

2. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

+ Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các tiêu chí cụ thể: Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ: Theo đúng định mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương.

2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,1
- Từ 5% đến dưới 11%	0,2
- Từ 11% đến dưới 15%	0,3

Tiêu chí	Điểm hệ số
- Từ 15% đến dưới 20%	0,4
- Từ 20% trở lên	0,5
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,1
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,2
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,3
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,2
4. Tiêu chí 4: Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Từ 13 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	0,3
Từ 10 đơn vị đến 12 đơn vị cấp xã	0,2
Dưới 10 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{B_i = Q.X_i .Y_i}$$

Trong đó:

B_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i.

Y_i là tổng các hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và đơn vị hành chính cấp xã.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Dự án 3)

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 5%	0,1
- Từ 5% đến dưới 11%	0,2
- Từ 11% đến dưới 15%	0,3
- Từ 15% đến dưới 20%	0,4
- Từ 20% trở lên	0,5
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,1
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,2
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,3
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,2
4. Tiêu chí 4: Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị	

Tiêu chí	Điểm hệ số
xã, thành phố	
Từ 13 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	0,3
Từ 10 đơn vị đến 12 đơn vị cấp xã	0,2
Dưới 10 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q.X_i .Y_i$$

Trong đó:

B_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và đơn vị hành chính cấp xã.

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q=\frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

4. Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3)

* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,1
2. Tiêu chí 2: Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã,	

thành phố	
Từ 13 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	0,3
Từ 10 đơn vị đến 12 đơn vị cấp xã	0,2
Dưới 10 đơn vị hành chính cấp xã	0,1
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 15%	0,2
- Từ 15% đến 20%	0,3
- Từ trên 20%	0,4

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: Di = Q.Yi.DDi

Trong đó:

Di là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện/thị xã/thành phố thứ i

DDi là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố thứ i

Yi là tổng hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và đơn vị hành chính cấp xã.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_1^n Yi.DDi}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 2 (Dự án 3) của Chương trình.

5. Tiểu dự án 1 (Dự án 4): Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 5%	0,1
- Từ 5% đến dưới 11%	0,2
- Từ 11% đến dưới 15%	0,3
- Từ 15% đến dưới 20%	0,4
- Từ 20% trở lên	0,5
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,1
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,2
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,3
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,2
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh học nghề trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 600 người/năm	0,1

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 600 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,2
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,3

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: Ei= Q.Xi; trong đó:

Ei là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và tiêu chí số lượng tuyển sinh hằng năm.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_1^n Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ để thực hiện Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

6. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Dự án 4)

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

7. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (Dự án 4)

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

8. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (Dự án 6)

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

9. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Dự án 6)

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

10. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách của huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Các huyện, thị xã bố trí vốn đối ứng tối thiểu 10% tổng vốn được tỉnh giao để thực hiện Chương trình

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết được thực hiện trên cơ sở nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ hằng năm, vốn đối ứng địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính cân đối các nguồn kinh phí để đảm bảo cho việc thực hiện phân bổ.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Trên cơ sở lấy ý kiến góp ý và hoàn chỉnh nội dung theo quy định, dự kiến thực hiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh vào thời điểm tháng 7/2022.

(Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến của các sở, ban ngành, địa phương; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến của Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội đối với Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; ý kiến đóng góp của các sở, ban ngành, địa phương)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính; LĐTBXH;
- Phòng VX, TH, HC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH